

ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP HỌC KÌ 1**Môn: Toán - Lớp 5****BIÊN SOẠN: BAN CHUYÊN MÔN LOIGIAIHAY.COM****A. NỘI DUNG ÔN TẬP****1. Phân số, số thập phân**

- Phân số
- Hỗn số
- Số thập phân

2. Đại lượng

- Bảng đơn vị đo độ dài
- Bảng đơn vị đo khối lượng
- Bảng đơn vị đo diện tích

3. Hình học

Hình tam giác. Diện tích hình tam giác

4. Giải toán có lời văn

- Giải bài toán tỉ lệ thuận, tỉ lệ nghịch
- Giải bài toán tỉ số phần trăm

B. BÀI TẬP**I. Trắc nghiệm**

Câu 1. Số thập phân có mười bảy đơn vị, năm phần trăm, ba phần nghìn được viết là:

- A. 17,53 B. 17,053 C. 17,530 D. 170,53

Câu 2. Chữ số 9 trong số thập phân 26,958 có giá trị là:

- A. $\frac{9}{1000}$ B. $\frac{9}{100}$ C. $\frac{9}{10}$ D. $\frac{9}{10000}$

Câu 3. Chữ số 7 trong số thập phân 123,547 có giá trị là:

- A. $\frac{7}{10}$ B. $\frac{7}{100}$ C. $\frac{7}{1000}$ D. $\frac{7}{10000}$

Câu 4. Hỗn số $5\frac{6}{100}$ dưới viết dưới dạng số thập phân là:

- A. 5,60 B. 50,6 C. 5,06 D. 5,006

Câu 5. Số thập phân 2,35 viết dưới dạng hỗn số là:

- A. $\frac{235}{100}$ B. $2\frac{35}{100}$ C. $23\frac{5}{10}$ D. $25\frac{3}{100}$

Câu 6. Hỗn số $2\frac{17}{1000}$ chuyển thành số thập phân là:

- A. 2,017 B. 2,17 C. 2,170 D. 2,017

Câu 7. Số lớn nhất trong các số 5,798 ; 5,897 ; 5,978 ; 5,879 là:

- A. 5,798 B. 5,897 C. 5,978 D. 5,879

Câu 8. Tìm chữ số y, biết $5,789 < 5,7y9$

- A. $y = 6$ B. $y = 7$ C. $y = 8$ D. $y = 9$

Câu 9. Phép nhân nhẩm $34,245 : 0,01$ có kết quả là:

- A. 3,4245 B. 342,45 C. 3424,5 D. 0,34245

Câu 10. Hãy chọn thương và số dư:

$$\begin{array}{r|l} 16,98 & 16 \\ 098 & 1,06 \\ \hline & 2 \end{array}$$

- A. 1,06 dư 2 B. 1,06 dư 0,2 C. 1,06 dư 0,02 D. 1,06 dư 0,20

Câu 11. Số thích hợp để viết vào chỗ chấm của $6 \text{ cm}^2 8 \text{ mm}^2 = \dots\dots \text{ cm}^2$

- A. 68 B. 6,8 C. 6,08 D. 6,008

Câu 12. $2,7 \text{ km}^2 = \dots\dots \text{ ha}$. Số điền vào chỗ chấm là:

- A. 27 B. 270 C. 2700 D. 27000

Câu 13. $1654 \text{ m}^2 = \dots\dots\dots \text{ ha}$

- A. 1654 B. 16,54 C. 0,1654 D. 1,654

Câu 14. $5,07 \text{ ha} = \dots\dots\dots \text{ m}^2$. Số thích hợp điền vào chỗ chấm là:

- A. 50700 B. 50070 C. 57000 D. 50007

Câu 15. $3 \text{ ha } 45 \text{ dam}^2 = \dots\dots\dots \text{ dam}^2$

- A. 345 dam^2 B. 30045 dam^2 C. 3045 dam^2 D. 3450 dam^2

Câu 16. Phép tính $78,542 - 42,632$ có kết quả là:

- A. 35,92 B. 35,91 C. 3,591 D. 359,1

Câu 17. Giá trị của biểu thức $13,57 \times 5,5 + 13,57 \times 3,5 + 13,57$ là:

- A. 1,357 B. 13,57 C. 135,7 D. 1357

Câu 18. Mua 6 quyển vở hết 72 000 đồng. Vậy mua 15 quyển vở như thế hết số tiền là:

- A. 180000 đồng B. 150000 đồng C. 200000 đồng D. 160000 đồng

Câu 19. Để hoàn thành xong một công việc cần 20 người làm trong 6 giờ. Hỏi muốn hoàn thành công việc đó trong 4 giờ thì cần bao nhiêu người?

A. 30 người B. 28 người C. 25 người D. 24 người

Câu 20. Tỉ số phần trăm của 8 và 25 là:

A. 0,32% B. 32% C. 320% D. 0,032%

Câu 21. 15% của 320kg là:

A. 140kg B. 401kg C. 480kg D. 48kg

Câu 22. Một cửa hàng bỏ ra 15000000 đồng tiền vốn để kinh doanh. Biết cửa hàng đó đã thu được tiền lãi bằng 20% tiền vốn. Vậy số tiền lãi là:

A. 300000 đồng B. 3000000 đồng

C. 5000000 đồng D. 7000000 đồng

Câu 23. Lớp 5A có 12 học sinh nữ và 16 học sinh nam. Tỉ số phần trăm giữa số học sinh nữ và số học sinh nam là:

A. 100% B. 75% C. 50% D. 25%

Câu 24. Theo thống kê năm 2008, số dân ở huyện A cứ 1000 người thì tăng thêm 12 người. Mức tăng dân số của huyện A trong năm đó là:

A. 12% B. 1,2% C. 0,12% D. 0,012%

Câu 25. Lớp học có 25 học sinh, trong đó có 13 nữ. Hỏi số học sinh nam chiếm bao nhiêu phần trăm của lớp học đó.

A. 13% B. 25% C. 52% D. 48%

Câu 26. Hình tam giác có độ dài đáy là 10m và chiều cao là 7m. Vậy diện tích của tam giác là:

A. 375m² B. 387m² C. 378m² D. 35m²

Câu 27. Tam giác ABC có diện tích 40 cm². Chiều cao AH có độ dài 0,8 dm. Độ dài đáy BC của tam giác ABC là:

A. 5 cm B. 10 cm C. 15 cm D. 20 cm

Câu 28. Một mảnh đất hình chữ nhật có chiều rộng 20m và kém chiều dài 5m. Trên mảnh đất đó người ta dành 85% diện tích để làm vườn, còn lại đào ao. Diện tích đất dùng để đào ao là:

A. 150m² B. 75m² C. 85m² D. 500m²

Câu 29. Biểu thức $2 \times 4,35 + x = 17,03$. Giá trị của x là:

A. 8,3 B. 8,33 C. 8,033 D. 8,303

Câu 30. Cho 3 mảnh gỗ hình chữ nhật có kích thước như nhau và chiều dài mỗi mảnh gấp 3 lần chiều rộng. Ghép 3 mảnh gỗ đó ta được một hình vuông có chu vi bằng 72cm. Diện tích một mảnh gỗ hình chữ nhật là :

A. 24 cm² B. 108 cm² C. 18 cm² D. 1728 cm²

II. Tự luận**Câu 1.** Tính.

a) $\frac{3}{5} + \frac{2}{7}$

b) $\frac{9}{4} - \frac{2}{5}$

c) $1 - \left(\frac{6}{7} - \frac{1}{2}\right)$

d) $\frac{7}{9} \times \frac{5}{6}$

e) $\frac{1}{5} : \frac{7}{10}$

f) $\frac{1}{4} : \frac{3}{8} \times \frac{6}{5}$

Câu 2. Tìm x

a) $x + \frac{1}{4} = \frac{5}{8}$

b) $\frac{7}{8} - x = \frac{1}{2}$

c) $\frac{4}{3} : x = \frac{2}{5}$

d) $x \times \frac{3}{5} = \frac{6}{11}$

Câu 3. Một vòi nước chảy vào cái bể không có nước trong 2 giờ. Giờ đầu vòi chảy được $\frac{1}{3}$ bể, giờ sau chảy được $\frac{1}{4}$ bể. Người ta đã dùng lượng nước bằng $\frac{1}{12}$ bể. Hỏi lượng nước còn lại chiếm mấy phần bể?

Câu 4. Tính.

a) $3\frac{3}{4} - \frac{5}{9}$

b) $\frac{5}{4} + 6\frac{7}{8}$

c) $4\frac{2}{3} \times \frac{3}{7}$

d) $1\frac{2}{3} : \frac{3}{5}$

Câu 5. Một thửa đất hình chữ nhật có chiều dài hơn chiều rộng 20 m và chiều rộng bằng $\frac{3}{5}$ chiều dài.

a) Tính chiều dài, chiều rộng của thửa đất.

b) Người ta sử dụng $\frac{1}{5}$ diện tích thửa đất để đào ao cá. Tính diện tích đất còn lại trên thửa đất.

Câu 6. Năm nay tổng số tuổi của hai ông cháu là 66 tuổi. Biết rằng sau 3 năm nữa thì tuổi cháu bằng $\frac{2}{7}$ tuổi ông. Hỏi năm nay ông bao nhiêu tuổi, cháu bao nhiêu tuổi?

Câu 7. Một trường tiểu học tổ chức cho học sinh đi tham quan, tính ra phải sử dụng 16 xe ô tô, mỗi xe chở 45 học sinh thì chở vừa hết số học sinh tham gia. Nếu mỗi xe ô tô chở 48 học sinh thì phải sử dụng bao nhiêu xe ô tô như thế để chở hết số học sinh đó?

Câu 8. Một bếp ăn dự trữ gạo cho đủ 120 người ăn trong 20 ngày, thực tế đã có 150 người ăn. Hỏi số gạo dự trữ đó đủ ăn trong bao nhiêu ngày? (Mức ăn của mỗi người như nhau).

Câu 9. Viết số hoặc phân số thích hợp vào chỗ chấm.

15 km = m

243m =dm

230cm =dm

3400 m =dam

14 tạ =kg

250 tấn =yến

323000 kg =tấn

25000 kg =yến

Câu 10. Viết số hoặc phân số thích hợp vào chỗ chấm:

$$15\text{dam}^2 = \dots\text{m}^2$$

$$3\text{cm}^2 = \dots\text{mm}^2$$

$$6\text{dm}^2 = \dots\text{cm}^2$$

$$550\text{hm}^2 = \dots\text{km}^2 \dots\text{hm}^2$$

$$4\text{km}^2 = \dots\text{ha}$$

$$4500\text{ha} = \dots\text{km}^2$$

Câu 11. Người ta trồng lúa trên một thửa ruộng hình chữ nhật có chu vi 300m, chiều rộng ngắn hơn chiều dài 50m.

a) Tính diện tích thửa ruộng đó?

b) Biết rằng trung bình cứ 10m^2 thu hoạch được 50kg thóc. Hỏi thửa ruộng thu hoạch được bao nhiêu tạ thóc?

Câu 12. Một căn phòng hình chữ nhật có chiều rộng 6m, chiều dài 8m. Người ta dùng các viên gạch hoa hình vuông cạnh 4dm để lát nền căn phòng. Hỏi cần bao nhiêu viên gạch hoa để lát kín nền các phòng đó? (Phần diện tích mạch vữa không đáng kể).

Câu 13. Tìm x

a) $x - 45,64 = 81,5$

b) $205,7 + x = 387,54$

c) $7,3 \times x + 2,3 \times x = 25,9 \times 9,6$

d) $x : 4,75 = 31,24 - 25,64$

Câu 14. Một kho chứa 1000 bao gạo, trong đó có 450 bao gạo nếp, còn lại là các bao gạo tẻ. Hỏi:

a) Số bao gạo nếp chiếm bao nhiêu phần trăm số bao gạo trong kho?

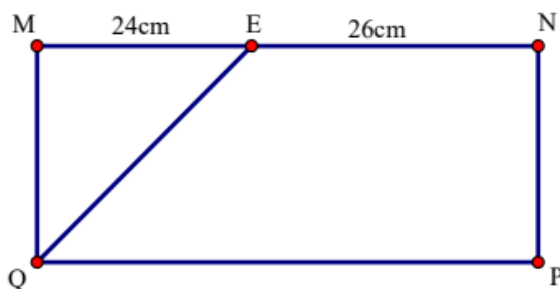
b) Tỷ số phần trăm của số bao gạo tẻ và số bao gạo trong kho là bao nhiêu?

Câu 15. Một người bỏ ra 4 500 000 đồng tiền vốn mua hoa. Biết rằng người đó lãi 12% tiền vốn. Tính số tiền lãi.

Câu 16. Một cửa hàng đã bán được 2 tạ gạo và số gạo đó bằng 12,5% tổng số gạo của cửa hàng đó trước khi bán. Hỏi trước khi bán, cửa hàng có bao nhiêu tấn gạo?

Câu 17. Tam giác ABC có diện tích 60cm^2 . Chiều cao AH có độ dài 0,8 dm. Độ dài đáy BC của tam giác ABC là bao nhiêu?

Câu 18. Hình chữ nhật MNPQ có diện tích 1600cm^2 . Tính diện tích hình tam giác MEQ.



C. HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT**1. Trắc nghiệm**

1. B	2. C	3. C	4. C	5. B	6. D	7. C	8. D	9. C	10. C
11. C	12. B	13. C	14. A	15. A	16. B	17. C	18. A	19. A	20. B
21. D	22. B	23. B	24. B	25. D	26. D	27. B	28. B	29. B	30. B

2. Tự luận**Câu 1. Tính.**

a) $\frac{3}{5} + \frac{2}{7}$

b) $\frac{9}{4} - \frac{2}{5}$

c) $1 - \left(\frac{6}{7} - \frac{1}{2}\right)$

d) $\frac{7}{9} \times \frac{5}{6}$

e) $\frac{1}{5} : \frac{7}{10}$

f) $\frac{1}{4} : \frac{3}{8} \times \frac{6}{5}$

Phương pháp

- Muốn cộng (hoặc trừ) các phân số khác mẫu số ta quy đồng mẫu số rồi cộng (hoặc trừ) các phân số sau khi quy đồng.

- Muốn nhân hai phân số ta lấy tử số nhân với tử số, mẫu số nhân với mẫu số.

- Muốn chia hai phân số ta lấy phân số thứ nhất nhân với phân số thứ hai đảo ngược.

Lời giải

a) $\frac{3}{5} + \frac{2}{7} = \frac{21}{35} + \frac{10}{35} = \frac{31}{35}$

b) $\frac{9}{4} - \frac{2}{5} = \frac{45}{20} - \frac{8}{20} = \frac{37}{20}$

c) $1 - \left(\frac{6}{7} - \frac{1}{2}\right) = 1 - \left(\frac{12}{14} - \frac{7}{14}\right) = 1 - \frac{5}{14} = \frac{9}{14}$

d) $\frac{7}{9} \times \frac{5}{6} = \frac{35}{54}$

e) $\frac{1}{5} : \frac{7}{10} = \frac{1}{5} \times \frac{10}{7} = \frac{2}{7}$

f) $\frac{1}{4} : \frac{3}{8} \times \frac{6}{5} = \frac{1}{4} \times \frac{8}{3} \times \frac{6}{5} = \frac{4}{5}$

Câu 2. Tìm x

a) $x + \frac{1}{4} = \frac{5}{8}$

b) $\frac{7}{8} - x = \frac{1}{2}$

c) $\frac{4}{3} : x = \frac{2}{5}$

d) $x \times \frac{3}{5} = \frac{6}{11}$

Phương pháp

a) Muốn tìm số hạng chưa biết ta lấy tổng trừ đi số hạng đã biết

b) Muốn tìm số trừ ta lấy số bị trừ trừ đi hiệu

c) Muốn tìm số chia ta lấy số bị chia chia cho thương

d) Muốn tìm thừa số chưa biết, ta lấy tích chia cho thừa số kia

Lời giải

$$\text{a) } x + \frac{1}{4} = \frac{5}{8}$$

$$x = \frac{5}{8} - \frac{1}{4}$$

$$x = \frac{3}{8}$$

$$\text{b) } \frac{7}{8} - x = \frac{1}{2}$$

$$x = \frac{7}{8} - \frac{1}{2}$$

$$x = \frac{3}{8}$$

$$\text{c) } \frac{4}{3} : x = \frac{2}{5}$$

$$x = \frac{4}{3} : \frac{2}{5}$$

$$x = \frac{10}{3}$$

$$\text{d) } x \times \frac{3}{5} = \frac{6}{11}$$

$$x = \frac{6}{11} : \frac{3}{5}$$

$$x = \frac{10}{11}$$

Câu 3. Một vòi nước chảy vào cái bể không có nước trong 2 giờ. Giờ đầu vòi chảy được $\frac{1}{3}$ bể, giờ sau chảy được $\frac{1}{4}$ bể. Người ta đã dùng lượng nước bằng $\frac{1}{12}$ bể. Hỏi lượng nước còn lại chiếm mấy phần bể?

Phương pháp

- Tìm lượng nước chảy vào bể trong 2 giờ
- Tìm lượng nước còn lại = Lượng nước chảy vào bể trong 2 giờ - lượng nước đã dùng

Lời giải

Lượng nước chảy vào bể trong 2 giờ là:

$$\frac{1}{3} + \frac{1}{4} = \frac{7}{12} \text{ (bể)}$$

Lượng nước còn lại chiếm số phần bẻ là:

$$1 - \frac{7}{12} = \frac{5}{12} \text{ (bẻ)}$$

Đáp số: $\frac{5}{12}$ bẻ

Câu 4. Tính.

a) $3\frac{3}{4} - \frac{5}{9}$

b) $\frac{5}{4} + 6\frac{7}{8}$

c) $4\frac{2}{3} \times \frac{3}{7}$

d) $1\frac{2}{3} : \frac{3}{5}$

Phương pháp

Chuyển hỗn số về phân số rồi thực hiện tính

Lời giải

a) $3\frac{3}{4} - \frac{5}{9} = \frac{15}{4} - \frac{5}{9} = \frac{135}{36} - \frac{20}{36} = \frac{115}{36}$

b) $\frac{5}{4} + 6\frac{7}{8} = \frac{5}{4} + \frac{55}{8} = \frac{10}{8} + \frac{55}{8} = \frac{65}{8}$

c) $4\frac{2}{3} \times \frac{3}{7} = \frac{14}{3} \times \frac{3}{7} = 2$

d) $1\frac{2}{3} : \frac{3}{5} = \frac{5}{3} : \frac{3}{5} = \frac{5}{3} \times \frac{5}{3} = \frac{25}{9}$

Câu 5. Một thửa đất hình chữ nhật có chiều dài hơn chiều rộng 20 m và chiều rộng bằng $\frac{3}{5}$ chiều dài.

a) Tính chiều dài, chiều rộng của thửa đất.

b) Người ta sử dụng $\frac{1}{5}$ diện tích thửa đất để đào ao cá. Tính diện tích đất còn lại trên thửa đất.

Phương pháp

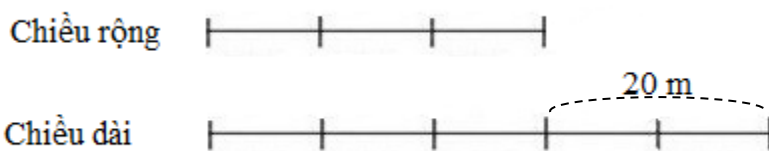
a) Tìm chiều dài và chiều rộng theo bài toán tìm hai số khi biết hiệu và tỉ số của hai số

b) Diện tích thửa đất = chiều dài x chiều rộng

Diện tích đất còn lại = Diện tích mảnh đất – diện tích đào ao cá

Lời giải

a) Ta có sơ đồ:



Hiệu số phần bằng nhau là: $5 - 3 = 2$ (phần)

Chiều dài thửa đất là: $20 : 2 \times 5 = 50$ (m)

Chiều rộng thửa đất là: $50 - 20 = 30$ (m)

b) Diện tích thửa đất là: $50 \times 30 = 1500$ (m²)

Số phần thửa đất còn lại sau khi đào ao là: $1 - \frac{1}{5} = \frac{4}{5}$ (thửa đất)

Diện tích đất còn lại là: $1500 \times \frac{4}{5} = 1200$ (m²)

Đáp số: a) Chiều dài: 50m ; chiều rộng: 30 m

b) 1200m²

Câu 6. Năm nay tổng số tuổi của hai ông cháu là 66 tuổi. Biết rằng sau 3 năm nữa thì tuổi cháu bằng $\frac{2}{7}$ tuổi ông. Hỏi năm nay ông bao nhiêu tuổi, cháu bao nhiêu tuổi?

Phương pháp

- Tìm tuổi của hai ông cháu sau 3 năm nữa
- Tìm tuổi ông và tuổi cháu sau 3 năm nữa theo bài toán tìm hai số khi biết tổng và tỉ số
- Tìm tuổi mỗi người hiện nay

Lời giải

Sau 3 năm nữa thì tổng số tuổi của hai ông cháu là:

$$66 + 3 + 3 = 72 \text{ (tuổi)}$$

Tổng số phần bằng nhau là:

$$7 + 2 = 9 \text{ (phần)}$$

Số tuổi của ông ba năm nữa là:

$$72 : 9 \times 7 = 56 \text{ (tuổi)}$$

Tuổi của ông năm nay là:

$$56 - 3 = 53 \text{ (tuổi)}$$

Tuổi của cháu năm nay là:

$$66 - 53 = 13 \text{ (tuổi)}$$

Đáp số: ông: 53 tuổi; cháu: 13 tuổi

Câu 7. Một trường tiểu học tổ chức cho học sinh đi tham quan, tính ra phải sử dụng 16 xe ô tô, mỗi xe chở 45 học sinh thì chở vừa hết số học sinh tham gia. Nếu mỗi xe ô tô chở 48 học sinh thì phải sử dụng bao nhiêu xe ô tô như thế để chở hết số học sinh đó?

Phương pháp

- Tìm số học sinh đi tham quan
- Tìm số xe để chở hết số học sinh

Lời giải

Trường tiểu học có số học sinh đi tham quan là:

$$16 \times 45 = 720 \text{ (học sinh)}$$

Nếu mỗi xe ô tô chở 48 học sinh thì phải sử dụng số xe ô tô là:

$$720 : 48 = 15 \text{ (xe)}$$

Đáp số: 15 xe

Câu 8. Một bếp ăn dự trữ gạo cho đủ 120 người ăn trong 20 ngày, thực tế đã có 150 người ăn. Hỏi số gạo dự trữ đó đủ ăn trong bao nhiêu ngày? (Mức ăn của mỗi người như nhau).

Phương pháp

- Tìm số ngày để 1 người ăn hết số gạo
- Tìm số ngày để 150 người ăn hết số gạo đó

Lời giải

1 người ăn hết số gạo đó trong số ngày là:

$$120 \times 20 = 2400 \text{ (ngày)}$$

Số gạo dự trữ đủ cho 150 người ăn trong số ngày là:

$$2400 : 150 = 16 \text{ (ngày)}$$

Đáp số: 16 ngày

Câu 9. Viết số hoặc phân số thích hợp vào chỗ chấm.

$15 \text{ km} = \dots \text{ m}$

$243 \text{ m} = \dots \text{ dm}$

$230 \text{ cm} = \dots \text{ dm}$

$3400 \text{ m} = \dots \text{ dam}$

$14 \text{ tạ} = \dots \text{ kg}$

$250 \text{ tấn} = \dots \text{ yến}$

$323000 \text{ kg} = \dots \text{ tấn}$

$25000 \text{ kg} = \dots \text{ yến}$

Phương pháp

Áp dụng cách đổi:

$1 \text{ km} = 1000 \text{ m} ; 1 \text{ m} = 10 \text{ dm} ; 10 \text{ cm} = 1 \text{ dm}$

$10 \text{ m} = 1 \text{ dam} ; 1 \text{ tạ} = 100 \text{ kg} ; 1 \text{ tấn} = 100 \text{ yến} = 1000 \text{ kg}$

Lời giải

$15 \text{ km} = \mathbf{15000} \text{ m}$

$243 \text{ m} = \mathbf{2430} \text{ dm}$

$230 \text{ cm} = \mathbf{23} \text{ dm}$

$3400 \text{ m} = \mathbf{340} \text{ dam}$

$14 \text{ tạ} = \mathbf{1400} \text{ kg}$

$250 \text{ tấn} = \mathbf{25000} \text{ yến}$

$323000 \text{ kg} = \mathbf{323} \text{ tấn}$

$25000 \text{ kg} = \mathbf{2500} \text{ yến}$

Câu 10. Viết số hoặc phân số thích hợp vào chỗ chấm:

$15 \text{ dam}^2 = \dots \text{ m}^2$

$3 \text{ cm}^2 = \dots \text{ mm}^2$

$6 \text{ dm}^2 = \dots \text{ cm}^2$

$550 \text{ hm}^2 = \dots \text{ km}^2 \dots \text{ hm}^2$

$4 \text{ km}^2 = \dots \text{ ha}$

$4500 \text{ ha} = \dots \text{ km}^2$

Phương pháp

Hai đơn vị đo diện tích liền nhau thì hơn kém nhau 100 lần.

Lời giải

$15 \text{ dam}^2 = \mathbf{1500} \text{ m}^2$

$3 \text{ cm}^2 = \mathbf{300} \text{ mm}^2$

$6 \text{ dm}^2 = \mathbf{600} \text{ cm}^2$

$550 \text{ hm}^2 = \mathbf{5} \text{ km}^2 \mathbf{50} \text{ hm}^2$

$4 \text{ km}^2 = \mathbf{400} \text{ ha}$

$4500 \text{ ha} = \mathbf{45} \text{ km}^2$

Câu 11. Người ta trồng lúa trên một thửa ruộng hình chữ nhật có chu vi 300m, chiều rộng ngắn hơn chiều dài 50m.

a) Tính diện tích thửa ruộng đó?

b) Biết rằng trung bình cứ 10 m^2 thu hoạch được 50kg thóc. Hỏi thửa ruộng thu hoạch được bao nhiêu tạ thóc?

Phương pháp

a) - Tìm nửa chu vi thửa đất

- Tìm chiều dài và chiều rộng theo bài toán tìm hai số khi biết tổng và tỉ số của hai số đó

- Diện tích thửa ruộng = chiều dài x chiều rộng

b) Số kg thóc thu hoạch được = Diện tích thửa ruộng : 10×50

Lời giải

a) Nửa chu vi thửa ruộng đó là:

$300 : 2 = 150 \text{ (m)}$

Chiều dài thửa ruộng đó là:

$(150 + 50) : 2 = 100 \text{ (m)}$

Chiều rộng thửa ruộng đó là:

$100 - 50 = 50 \text{ (m)}$

Diện tích thửa ruộng đó là:

$100 \times 50 = 5000 \text{ (m}^2\text{)}$

b) Thửa ruộng thu hoạch được là:

$5000 : 10 \times 50 = 25000 \text{ (kg)} = 250 \text{ tạ}$

Đáp số: a) 5000 m²

b) 25000 kg

Câu 12. Một căn phòng hình chữ nhật có chiều rộng 6m, chiều dài 8m. Người ta dùng các viên gạch hoa hình vuông cạnh 4dm để lát nền căn phòng. Hỏi cần bao nhiêu viên gạch hoa để lát kín nền các phòng đó? (Phần diện tích mạch vữa không đáng kể).

Phương pháp

- Tìm diện tích căn phòng = chiều dài x chiều rộng
- Tìm diện tích viên gạch = cạnh x cạnh
- Số viên gạch = Diện tích căn phòng : diện tích viên gạch

Lời giải

Diện tích căn phòng hình chữ nhật đó là:

$$6 \times 8 = 48 \text{ (m}^2\text{)} = 4800 \text{ dm}^2$$

Diện tích viên gạch là:

$$4 \times 4 = 16 \text{ (dm}^2\text{)}$$

Số viên gạch cần để lát nền căn phòng là:

$$4800 : 16 = 300 \text{ (viên)}$$

Đáp số: 300 viên gạch

Câu 13. Tìm x

a) $x - 45,64 = 81,5$

b) $205,7 + x = 387,54$

c) $7,3 \times x + 2,3 \times x = 25,9 \times 9,6$

d) $x : 4,75 = 31,24 - 25,64$

Câu 14. Một kho chứa 1000 bao gạo, trong đó có 450 bao gạo nếp, còn lại là các bao gạo tẻ. Hỏi:

a) Số bao gạo nếp chiếm bao nhiêu phần trăm số bao gạo trong kho?

b) Tỷ số phần trăm của số bao gạo tẻ và số bao gạo trong kho là bao nhiêu?

Phương pháp

a) Số phần trăm bao gạo nếp = số bao gạo nếp : tổng số bao x 100

b) Tỷ số phần trăm của số bao gạo tẻ và số bao gạo trong kho = 100% - Số phần trăm bao gạo nếp

Lời giải

a) Số bao gạo nếp chiếm số phần trăm số bao gạo trong kho là:

$$450 : 1000 = 0,45 = 45\%$$

b) Tỷ số phần trăm của số bao gạo tẻ và số bao gạo trong kho là:

$$100\% - 45\% = 55\%$$

Đáp số: a) 45%; b) 55%

Câu 15. Một người bỏ ra 4 500 000 đồng tiền vốn mua hoa. Biết rằng người đó lãi 12% tiền vốn. Tính số tiền lãi.

Phương pháp

Số tiền lãi = Số tiền vốn : 100 x số phần trăm tiền lãi

Lời giải

Số tiền lãi là:

$$4500000 : 100 \times 12 = 540000 \text{ (đồng)}$$

Đáp số: 540000 đồng

Câu 16. Một cửa hàng đã bán được 2 tạ gạo và số gạo đó bằng 12,5% tổng số gạo của cửa hàng đó trước khi bán. Hỏi trước khi bán, cửa hàng có bao nhiêu tấn gạo?

Phương pháp

Số tạ gạo trước khi bán = số tạ gạo đã bán : số phần trăm đã bán x 100

Lời giải

Trước khi bán, cửa hàng có số tấn gạo là:

$$2 : 12,5 \times 100 = 16 \text{ (tạ)} = 1,6 \text{ tấn}$$

Đáp số: 1,6 tấn

Câu 17. Tam giác ABC có diện tích 60cm^2 . Chiều cao AH có độ dài 0,8 dm. Độ dài đáy BC của tam giác ABC là bao nhiêu?

Phương pháp

- Đổi 0,8 dm sang đơn vị cm

- Độ dài đáy BC = Diện tích tam giác ABC x 2 : chiều cao

Lời giải

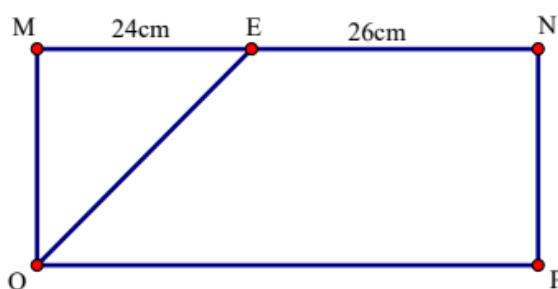
Đổi: $0,8 \text{ dm} = 8 \text{ cm}$

Độ dài đáy BC là:

$$60 \times 2 : 8 = 15 \text{ (cm)}$$

Đáp số: 15 cm

Câu 18. Hình chữ nhật MNPQ có diện tích 1600cm^2 . Tính diện tích hình tam giác MEQ.



Phương pháp

- Tìm độ dài đoạn thẳng $MN = \text{Đoạn thẳng } ME + \text{đoạn thẳng } EN$
- Tìm độ dài đoạn $MQ = \text{Diện tích hình chữ nhật } MNPQ : \text{độ dài đoạn } MN$
- Diện tích hình tam giác $MEQ = MQ \times ME : 2$

Lời giải

Độ dài đoạn thẳng MN là:

$$24 + 26 = 50 \text{ (cm)}$$

Độ dài đoạn MQ là:

$$1600 : 50 = 32 \text{ (cm)}$$

Diện tích hình tam giác MEQ là:

$$32 \times 24 : 2 = 384 \text{ (cm}^2\text{)}$$

Đáp số: 384 cm^2